TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13/12/2024

V/v Tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tàu và bà Nguyễn Thị Phụng.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trúc Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa tham gia phiên tòa: ông Trần Bảo Pháp – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 12 năm 2024. Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 307/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024, về tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1973; Nơi cư trú: thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh năm 1982; Nơi cư trú: thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Đức T trình bày: ông T và bà Á tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2005, đăng ký kết hôn và được được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì vợ chồng thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cả hai cố gắng hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng không thành. Dù nhiều lần cho nhau cơ hội hàn gắn tình cảm gia đình nhưng vẫn không thay đổi được, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2023. Ông T nhận thấy tình cảm

vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân xây dựng hạnh phúc gia đình không được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Á.

- Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Đức T1, sinh năm 2000 và Nguyễn Ngọc Thanh T2, sinh năm 2003. Các con chung đều đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Á vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Toà án nhân dân thị xã Đông Hoà không tiến hành hoà giải được.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa phát biểu ý kiến*:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương đã tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về nghĩa vụ chứng minh của mình.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông T được ly hôn bà Á. Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Đức T1, sinh năm 2000 và Nguyễn Ngọc Thanh T2, sinh năm 2003. Các con chung đều đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung: đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Đức T khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị Ngọc Á hiện đang cư trú tại thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa.

[1.2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: ông T và bà Á tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2005, được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 66/2005 ngày 24/9/2005, là hôn nhân hợp pháp. Theo ông T, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì vợ chồng thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cả hai cố gắng hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng không thành. Dù nhiều lần cho nhau cơ hội hàn gắn tình cảm gia đình nhưng vẫn không thay đổi được, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2023. Quá trình giải quyết vụ án bà Á không đến Tòa để trình bày ý kiến, không có mong muốn hòa giải mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông T và bà Á và đã đến

mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của ông T được ly hôn với bà Á.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Đức T1, sinh năm 2000 và Nguyễn Ngọc Thanh T2, sinh năm 2003. Các con chung đều đã trưởng nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đức T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc Á.

2. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Đức T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003441 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS TX Đông Hòa;
- VKSND thị xã Đông Hòa;
- UBND Phường Phú Lâm;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Hưng